

Bản án số: 108/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 30/08/2022
*“V/v tranh chấp ly hôn
và chi tài sản chung”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn Đẹp**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Danh On**

Ông **Lại Thiện Phong**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Kim Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 08 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST–HNGĐ, ngày 09 tháng 06 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 04 tháng 08 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **Phạm Thị B**, sinh năm 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh T và chị B có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 14/03/2022. Trong quá trình chung sống, giữa anh và vợ anh không có con chung. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 03 tháng nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị B.

Về con chung: anh T xác định giữa anh và chị B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Giữa anh và vợ anh có số tài sản chung là số vàng cưới gồm 15 chỉ vàng 9999 (01 sợi dây chuyền 05 chỉ, 01 chiếc lắc 05 chỉ và 01 đôi bông tai 01 chỉ, 02 chiếc nhẫn 04 chỉ) và số tiền 10.000.000 đồng. Toàn bộ số tài sản này hiện do Phạm Thị B cất giữ. Phạm Thị B không hề đưa tôi cất giữ số tài sản trên. Anh cũng không đồng ý lời trình bày của chị B rằng số tài sản chung giữa anh và chị B chỉ có 11 chỉ vàng 9999 và 10.000.000 đồng. Bởi vì sau khi cưới về không lâu, anh có đưa cho Phạm Thị B cất thêm 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 02 chỉ vàng 9999 tổng cộng là 04 chỉ vàng 9999. Do có hai vợ chồng sống trong nhà nên lúc đưa vàng cho chị B không có ai chứng kiến. Anh yêu cầu chia đôi 15 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Anh T rút lại yêu cầu đối với 05 chỉ vàng 9999, anh chỉ yêu cầu chia đôi số tài sản gồm 10 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng. Các yêu cầu khác anh T giữ nguyên.

Bị đơn chị Phạm Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị B và anh T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 14/03/2022. Trong quá trình chung sống, giữa chị và chồng chị không có con chung. Trong thời gian đầu, vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi về chuyện tiền bạc, chồng chị xem thường chị và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 03 tháng nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị B xác định giữa chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị B xác định giữa chị và chồng chị có số tài sản chung là số vàng cưới gồm 11 chỉ vàng 9999 (01 sợi dây chuyền 05 chỉ, 01 chiếc lắc 05 chỉ và 01 đôi bông tai 01 chỉ) và số tiền 10.000.000 đồng chồng chị đưa cho chị. Lúc đầu chị là người giữ toàn bộ số tài sản này. Tuy nhiên, sau khi cưới về được khoảng 20 ngày thì chị đã đưa lại toàn bộ số tài sản này cho chồng chị là anh Nguyễn Thành T giữ. Lúc đó chỉ có chị và anh T, không có ai chứng kiến. Giữa chị và anh T chỉ có tài sản chung là 11 chỉ vàng 9999 và 10.000.000 đồng chứ không phải 15 chỉ vàng 9999 và 10.000.000 đồng như anh T nói. Nay anh T yêu cầu chia đôi số tài sản gồm 10 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng thì chị không đồng ý chia. Đồng thời, chị cũng không có yêu cầu chia tài sản chung giữa chị và anh T. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về việc giải quyết vụ án:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành T được ly hôn chị Phạm Thị B.

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T đối với 05 chỉ vàng 9999.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị B thống nhất chia đôi số tài sản chung gồm 10 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng. Chia cho anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị B mỗi người được hưởng 05 chỉ vàng 9999 và số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc chị Phan Thị Bé có nghĩa vụ giao lại cho anh Nguyễn Thành T 05 chỉ vàng 9999 và số tiền 5.000.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Thành T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị B mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với số vàng và số tiền được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Thành T khởi kiện yêu cầu ly hôn với vợ và yêu cầu chia tài sản chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Phạm Thị B có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[II] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thành T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị B có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 14/03/2022 nên

quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, anh T và chị B đều xác định có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai vợ chồng có hàn gắn với nhau nhưng không được. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 03 tháng nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B và chị B cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Thành T được ly hôn chị Phạm Thị B.

[2] Về con chung: Anh T và chị B xác định không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh T và chị B thống nhất xác định vợ chồng có số vàng cưới là 11 chỉ vàng 9999 và thống nhất số tiền 10.000.000 đồng là tài sản chung. Tuy nhiên, anh T cho rằng ngoài 11 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng thì sau khi cưới về không lâu, anh T có đưa cho chị B giữ thêm 04 chỉ vàng 9999. Khi ly hôn anh T yêu cầu chia đôi số vàng 15 chỉ và số tiền 10.000.000 đồng. Anh T cho rằng tất cả số tài sản chung nêu trên chị B đang quản lý, chị B thì cho rằng chị đã đưa 11 chỉ vàng 9999 và 10.000.000 đồng cho anh T quản lý nhưng chị B không thể chứng minh vì chị cho rằng lúc đưa chỉ có chị và anh T, trong khi đó anh T không thừa nhận. Anh T cho rằng ngoài số vàng 11 chỉ và số tiền 10.000.000 đồng thì anh còn đưa cho chị Thảo 04 chỉ vàng 9999 nhưng chị Thảo không thừa nhận và anh T cũng không chứng minh được việc mình có đưa 04 chỉ vàng 9999 cho chị B cất giữ. Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022 anh T yêu cầu tòa án chia số tài sản chung gồm 15 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T xác định anh xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tài sản gồm 05 chỉ vàng 9999. Anh T xác định lại số tài sản chung giữa anh và chị B chỉ gồm 10 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng do chị B đang quản lý, sử dụng. Anh T yêu cầu chia đôi số tài sản chung gồm 10 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Thảo cho rằng chị không có giữ số tài sản trên nhưng do chị không có gì chứng minh nên chị đồng ý giao trả lại cho anh T 05 chỉ vàng 9999 và số tiền 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, do anh T và chị B thống nhất xác định tài sản chung giữa anh T và chị B gồm 10 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng, đồng thời chị B cũng đồng ý giao trả cho anh T 05 chỉ vàng 9999 và số tiền 5.000.000 đồng. Vì vậy, hội đồng xét ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị B về việc chia đôi số tài sản chung gồm 10 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng. Chia cho anh T và chị B mỗi người được hưởng 05 chỉ vàng 9999 và số tiền 5.000.000 đồng. Do chị B đang quản lý toàn bộ số tài sản trên nay nên buộc chị Phạm Thị B có nghĩa vụ giao trả cho anh T 05 chỉ vàng 9999 và số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T về việc yêu cầu chia 05 chỉ vàng 9999. Xét thấy, việc rút đơn của anh T là tự nguyện, phù hợp

với quy định pháp luật nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của anh T.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Nguyễn Thành T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị B mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được hưởng là 1.545.000 đồng.

[5] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thành T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị B.

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T đối với 05 chỉ vàng 9999.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị B thống nhất chia đôi số tài sản chung gồm 10 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.000.000 đồng.

Chia cho anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị B mỗi người được hưởng 05 chỉ vàng 9999 và số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc chị Phạm Thị B có nghĩa vụ giao trả lại cho anh Nguyễn Thành T 05 chỉ vàng 9999 và số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Thành T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng. Anh Nguyễn Thành T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006368, ngày 09/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Buộc anh Nguyễn Thành T và chị Phạm Thị B mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch số tiền 1.545.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Nguyễn Thành T đã dự nộp số tiền 1.100.000 theo biên lai thu số 0006367, ngày 09/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay chuyển thu án phí số tiền 1.100.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Thành T có nghĩa vụ nộp thêm số tiền 445.000 đồng tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hồng Dân.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Đẹp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA